

TỔNG HỢP CHI TIẾT DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI QUẢ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025 CỦA HĐND THÀNH PHỐ

(Kèm theo Báo cáo số : BC- UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Yết Kiêu)

Đơn vị: đồng

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Địa chỉ thường trú (Thôn/Tổ dân phố)	Nơi công tác trước khi nghỉ hưu	Chức danh/Chức vụ, quân hàm... trước khi nghỉ hưu/ Danh hiệu	Đối tượng															Dự toán kinh phí (mức tặng quà cao nhất nếu thuộc nhiều nhóm đối tượng)		Ghi chú		
						A1 (mức tặng quà 6trđ/dt)	A2 (mức tặng quà 6trđ/dt)	A3 (mức tặng quà 4trđ/dt)	A4 (mức tặng quà 4trđ/dt)	A5 (mức tặng quà 3trđ/dt)	A6 (mức tặng quà 2trđ/dt)	B1 (mức tặng quà 6trđ/dt)	C1 (mức tặng quà 7trđ/dt)	C2 (mức tặng quà 6trđ/dt)	C3 (mức tặng quà 1,5trđ/dt)	C4 (mức tặng quà 0,65trđ/dt)	D1 (mức tặng quà 2trđ/dt)	D2 (mức tặng quà 1trđ/dt)	D3 (mức tặng quà 0,8trđ/dt)	D4 (mức tặng quà 0,7trđ/dt)	D5 (mức tặng quà 0,6trđ/dt)	Nhóm đối tượng được tặng quà		Số tiền	
A	B	C	D	E	G	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
TỔNG CỘNG						KHÔNG CÓ									1	1	0	14	113	110	241	480	328,150,000		
Phê duyệt theo Quyết định số 299/QĐ-UBND ngày 06/02/2026 của Ủy ban nhân dân xã Yết Kiêu																									
	Tổng cộng					Không có đối tượng									1	1	0	10	95	92	232	431	291,750,000		
1	Đoàn Văn Chiêu	1963	thôn Vô Lương	Quản chủng Hải quân	Thiếu tướng, Chuẩn Đô											X							C3	1,500,000	
2	Phạm Quang Nêu	1962	thôn Hạ Bì		Đại tá QĐ												X							C4	650,000
3	Tướng Hay	1928	thôn Hưng Long		Cán bộ TCHC															X				D2	1,000,000
4	Đỗ Văn Vu	1928	thôn Gạch		Đảng viên															X				D2	1,000,000
5	Vũ Văn Sáng	1934	thôn Thương Bì		Đại tá QĐ															X				D2	1,000,000
6	Phạm Đình Quýt	1929	thôn Hạ Bì		Đảng viên															X				D2	1,000,000
7	Lương Văn Hương	1928	thôn Anh		Đảng viên															X				D2	1,000,000
8	Đoàn Văn Tiêm	1937	thôn Vô Lương		Phó GD TTYT huyện															X				D2	1,000,000
9	Phạm Quang Cơ	1936	thôn Lương Xá		Đảng viên															X				D2	1,000,000
10	Nguyễn Văn Thơ	1938	thôn Anh		Đảng viên															X				D2	1,000,000
11	Lương Thị Quy	1932	thôn Anh		Đảng viên															X				D2	1,000,000
12	Nguyễn Văn Lạp	1932	thôn Bù Hạ		Đảng viên															X				D2	1,000,000
13	Phạm Thị Ninh	1939	thôn Quỳnh Huế		Đảng viên															x				D3	800,000
14	Nguyễn Bá Xuyên	1937	thôn Quỳnh Huế		Hạt phó BD ĐB TL															x				D3	800,000
15	Phạm Thị Xuân	1940	thôn Trung		Cán bộ phòng TC															x				D3	800,000
16	Nguyễn Văn Toạ	1934	thôn Trung		Hội phó hội PN xã															x				D3	800,000
17	Đoàn Văn Sén	1932	thôn Vô Lương		Công nhân															x				D3	800,000
18	Phạm Kim Kôi	1937	thôn Vô Lương		Phòng TL Gia Lộc															x				D3	800,000
19	Vũ Thị Hạnh	1954	thôn Bá Đai		Phó phòng CA tỉnh															x				D3	800,000

20	Phạm Thị Thanh	1942	thôn Trinh Thanh Vân		CTUBND xã														x			D3	800,000	
21	Phạm Hữu Diên	1933	thôn Trinh Thanh Vân		BCH phụ nữ														x			D3	800,000	
22	Trịnh Văn Kỳ	1940	thôn Trinh Thanh Vân		PBTCHU CT														x			D3	800,000	
23	Vũ Nguyên Tư	1939	thôn Trinh Thanh Vân		CB tài chính														x			D3	800,000	
24	Vũ Xuân Tùy	1942	thôn Hưng Long		TPHC ô tô số 2														x			D3	800,000	
25	Vương Thiên Uy	1949	thôn Hạ Bi		Cán bộ MTTQ														x			D3	800,000	
26	Vũ Đăng Sâm	1928	thôn Thương Bi		Bộ đội														x			D3	800,000	
27	Nguyễn Phương Quy	1940	thôn Thương Bi		Công nhân														x			D3	800,000	
28	Vũ Thị Tơ	1938	thôn Văn Am		Công nhân														x			D3	800,000	
29	Bùi Xuân Giao	1931	thôn Lương Xá		Cán bộ Phụ nữ														x			D3	800,000	
30	Đỗ Văn Vy	1939	thôn Gạch		Đảng viên														x			D3	800,000	
31	Phạm Thị Xâm	1934	thôn Huyền Búa		Đảng viên														x			D3	800,000	
32	Phạm Văn Bắc	1933	thôn Khăn		Đảng viên														x			D3	800,000	
33	Tăng Thị Diệu	1944	thôn Khăn		Đảng viên														x			D3	800,000	
34	Nguyễn Thị Chúng	1943	thôn Khăn		Đảng viên														x			D3	800,000	
35	Nguyễn Thị The	1932	thôn Phương Xá		Đảng viên														x			D3	800,000	
36	Nguyễn Thị Sen	1942	thôn Phương Xá		Đảng viên														x			D3	800,000	
37	Bùi Văn Vê	1937	thôn Lại		Đảng viên														x			D3	800,000	
38	Bùi Thị Cẩm	1935	thôn Lại		Đảng viên														x			D3	800,000	
39	Nguyễn Thị Soi	1939	thôn Già		Đảng viên														x			D3	800,000	
40	Phạm Thị Xê	1947	thôn Già		Đảng viên														x			D3	800,000	
41	Phạm Thị Dằm	1942	thôn Dôi Hống		Đảng viên														x			D3	800,000	
42	Nguyễn Văn Sơn	1939	thôn Khay		Đảng viên														x			D3	800,000	
43	Đỗ Thị Hợi	1948	thôn Vô Lương		Cán bộ chăn nuôi														x			D3	800,000	
44	Lê Thị Ngát	1947	thôn Vô Lương		Trưởng phòng TCLD														x			D3	800,000	
45	Nguyễn Hồng Sơn	1944	thôn Vô Lương		Đảng viên														x			D3	800,000	
46	Đoàn Văn Dừa	1940	thôn Vô Lương		Cán bộ GTTL xã														x			D3	800,000	
47	Phạm Văn Biền	1940	thôn Vô Lương		Đảng viên														x			D3	800,000	
48	Phạm Văn Mịch	1938	thôn Quỳnh Huê		Cán bộ viễn thông														x			D3	800,000	
49	Vũ Văn Quá	1939	thôn Quỳnh Huê		Đảng viên														x			D3	800,000	
50	Nguyễn Đình Bồi	1935	thôn Quỳnh Huê		Cán bộ viễn thông														x			D3	800,000	
51	Phạm Văn Chuy	1938	thôn Quỳnh Huê		Công nhân nghỉ hưu														x			D3	800,000	

52	Phạm Văn My	1936	thôn Quỳnh Huê		Bộ đội phục viên													x			D3	800,000	
53	Phạm Văn Nhi	4/16/1905	thôn Quỳnh Huê		Công nhân													x			D3	800,000	
54	Nguyễn Thị Hoài	1948	thôn Quỳnh Huê		Công nhân nghỉ hưu													x			D3	800,000	
55	Nguyễn Thị Sợi	1947	thôn Quỳnh Huê		Công nhân XNTL													x			D3	800,000	
56	Vũ Văn Nhất	1941	thôn Quỳnh Huê		Thủ kho HTX													x			D3	800,000	
57	Phạm Thị Bóc	1949	thôn Trung		Bộ đội nghỉ chế độ													x			D3	800,000	
58	Vũ Minh Hược	1945	thôn Bá Đại		Đảng viên													x			D3	800,000	
59	Trần Thị Tâm	1943	thôn Bá Đại		P CTUBMTTQ													x			D3	800,000	
60	Đàm Khắc Lãm	1946	thôn Trinh Thanh Vân		CT Hội Phụ nữ													x			D3	800,000	
61	Vũ Thị Hên	1947	thôn Trinh Thanh Vân		Cán bộ ĐT													x			D3	800,000	
62	Đỗ Thị Hiền	1949	thôn Trinh Thanh Vân		BCH Phụ nữ													x			D3	800,000	
63	Đàm Khắc Tạo	1939	thôn Trinh Thanh Vân		GV nghỉ hưu													x			D3	800,000	
64	Đàm Khắc Niệm	1938	thôn Trinh Thanh Vân		CT Hội Nông dân													x			D3	800,000	
65	Phạm Thị Thọa	1949	thôn Khuông		Cán bộ ĐDT													x			D3	800,000	
66	Vũ Văn Lương	1937	thôn Thương Bi		Giáo viên													x			D3	800,000	
67	Vũ Thị Hồng Trai	1948	thôn Thương Bi		Đảng viên													x			D3	800,000	
68	Đoàn Văn Xuyên	1948	thôn Thương Bi		Giáo viên													x			D3	800,000	
69	Vũ Văn Hiền	1948	thôn Thương Bi		Công nhân													x			D3	800,000	
70	Nguyễn Phương Nút	1947	thôn Thương Bi		Bộ đội													x			D3	800,000	
71	Bùi Công Đăng	1943	thôn Hoàng Kim		Công nhân													x			D3	800,000	
72	Trần Đình Kiểm	1948	thôn Hoàng Kim		Bộ đội													x			D3	800,000	
73	Nguyễn Thị Muôn	1949	thôn Hoàng Kim		Bộ đội													x			D3	800,000	
74	Phạm Hữu Lương	1937	thôn Hạ Bi		Công nhân													x			D3	800,000	
75	Phạm Đắc Thấu	1940	thôn Hạ Bi		Đảng viên													x			D3	800,000	
76	Vũ Thị Toán	1942	thôn Thương Bi		Bộ đội													x			D3	800,000	
77	Vũ Đăng Diễm	1927	thôn Thương Bi		Đảng viên													x			D3	800,000	
78	Vũ Xuân Thịnh	1940	thôn Văn Am		Đảng viên													x			D3	800,000	
79	Lê Thị Tinh	1948	thôn Văn Am		Hưu xã													x			D3	800,000	
80	Nguyễn Văn Tề	1950	thôn Lương Xá		CTHội LHPN xã													x			D3	800,000	
81	Phạm Đình Bền	1939	thôn Lương Xá		Đảng viên													x			D3	800,000	
82	Vũ Thị Hường	1944	thôn Lương Xá		Đảng viên													x			D3	800,000	
83	Phạm Tấn Thái	1947	thôn Lương Xá		Đảng viên													x			D3	800,000	

116	Nguyễn Văn Miên	1937	thôn Quỳnh Huệ		Bộ đội phục viên														x		D4	700,000	
117	Trần Văn Xuyên	1950	thôn Quỳnh Huệ		Công nhân nghỉ hưu														x		D4	700,000	
118	Phạm Văn Mục	1952	thôn Quỳnh Huệ		Cán bộ địa chính xã														x		D4	700,000	
119	Nguyễn Đức Nông	1949	thôn Quỳnh Huệ		Công nhân nghỉ hưu														x		D4	700,000	
120	Lê Hồng Tư	1954	thôn Quỳnh Huệ		Trung đoàn trưởng E103,														x		D4	700,000	
121	Trần Văn Nhâm	1949	thôn Quỳnh Huệ		Công nhân nghỉ hưu														x		D4	700,000	
122	Trần Thị Xinh	1950	thôn Quỳnh Huệ		Đảng viên														x		D4	700,000	
123	Lê Văn Thái	1955	thôn Quỳnh Huệ		Bộ đội phục viên														x		D4	700,000	
124	Lê Văn Diễm	1952	thôn Bá Đại		Đại úy nghỉ hưu														x		D4	700,000	
125	Lê Văn Hán	1950	thôn Trịnh Thanh Vân		Bộ đội nghỉ hưu														x		D4	700,000	
126	Phạm Đình Ha	1953	thôn Thương Bì		PCT HDND														x		D4	700,000	
127	Vũ Ngọc Thành	1952	thôn Thương Bì		Bí thư Đảng ủy xã														x		D4	700,000	
128	Võ Xuân Dánh	1948	thôn Hạ Bì		Bộ đội														x		D4	700,000	
129	Phạm Hữu Tiến	1954	thôn Hạ Bì		Đảng viên														x		D4	700,000	
130	Nguyễn Phương Duyên	1950	thôn Thương Bì		Công nhân														x		D4	700,000	
131	Nguyễn Phương Ưng	1940	thôn Thương Bì		Giáo viên														x		D4	700,000	
132	Vũ Đình Phê	1952	thôn Văn Am		Đảng viên														x		D4	700,000	
133	Phạm Trọng Cư	1948	thôn Lương Xá		Đảng viên														x		D4	700,000	
134	Phạm Công Chức	1950	thôn Gạch		Đảng viên														x		D4	700,000	
135	Tăng Đức Ngoan	1953	thôn Huyền Búa		Đảng viên														x		D4	700,000	
136	Tăng Đức Bộ	1952	thôn Huyền Búa		Đảng viên														x		D4	700,000	
137	Đoàn Duy Biên	1947	thôn Chuối		Đảng viên														x		D4	700,000	
138	Nguyễn Đức Thiêm	1939	thôn Chuối		Đảng viên														x		D4	700,000	
139	Phạm Huy Bảy	1952	thôn Già		Đảng viên														x		D4	700,000	
140	Nguyễn Văn Giảng	1950	thôn Bùi Thương		Đảng viên														x		D4	700,000	
141	Phạm Gia Sơn	1953	thôn Dội Hống		Đảng viên														x		D4	700,000	
142	Nguyễn Văn Phúc	1955	thôn Khay		Hạt trưởng GT nghỉ hưu														x		D4	700,000	
143	Hoàng Văn Thới	1954	thôn Khay		Đảng viên														x		D4	700,000	
144	Nguyễn Văn Ký	1948	thôn Khay		Cán bộ TK xã														x		D4	700,000	
145	Phạm Thị Chín	1957	thôn Khay		Chủ tịch HPN xã														x		D4	700,000	
146	Vũ Xuân Thành	1952	thôn Quỳnh Huệ		Bộ đội phục viên														x		D4	700,000	
147	Trần Văn Nuôi	1955	thôn Quỳnh Huệ		Trưởng phòng TCKT														x		D4	700,000	

148	Vũ Văn Hương	1954	thôn Quỳnh Huê	Cán bộ xã															x		D4	700,000	
149	Phạm Văn Vinh	1957	thôn Quỳnh Huê	Bộ đội phục viên															x		D4	700,000	
150	Nguyễn Văn Tê	1959	thôn Quỳnh Huê	Bộ đội phục viên															x		D4	700,000	
151	Vũ Văn Đàng	1954	thôn Quỳnh Huê	Bộ đội phục viên															x		D4	700,000	
152	Nguyễn Văn Khánh	1948	thôn Quỳnh Huê	Kế toán NS xã															x		D4	700,000	
153	Nguyễn Văn Veo	1958	thôn Quỳnh Huê	Bộ đội phục viên															x		D4	700,000	
154	Lê Tuấn Nghiêm	1957	thôn Quỳnh Huê	Bộ đội phục viên															x		D4	700,000	
155	Phạm Văn Cam	1954	thôn Quỳnh Huê	Chủ tịch HND xã															x		D4	700,000	
156	Nguyễn Ngọc Dung	1958	thôn Trung	Bộ đội phục viên															x		D4	700,000	
157	Nguyễn Văn Thúc	1959	thôn Trung	Bộ đội phục viên															x		D4	700,000	
158	Đoàn Văn Dương	1955	thôn Vô Lương	Chủ tịch HCCB xã															x		D4	700,000	
159	Đoàn Hồng Dán	1956	thôn Vô Lương	CB Bru điện nghỉ hưu															x		D4	700,000	
160	Phạm Văn Chuông	1960	thôn Vô Lương	Bí thư Đảng ủy xã															x		D4	700,000	
161	Nguyễn Văn Kỳ	1959	thôn Vô Lương	Cán bộ xã nghỉ hưu															x		D4	700,000	
162	Trần Văn Tuấn	1949	thôn Bá Đại	Trưởng thôn															x		D4	700,000	
163	Trần Văn Thanh	1952	thôn Bá Đại	Chủ tịch UBND															x		D4	700,000	
164	Lê Văn Tý	1954	thôn Trịnh Thanh Vân	Bí thư Đảng bộ															x		D4	700,000	
165	Vũ Quý Thủy	1952	thôn Trịnh Thanh Vân	CT cao tuổi															x		D4	700,000	
166	Lê Văn Yên	1948	thôn Trịnh Thanh Vân	Đảng viên															x		D4	700,000	
167	Phạm Hữu Khuyến	1947	thôn Trịnh Thanh Vân	Đại úy nghỉ hưu															x		D4	700,000	
168	Lê Huy Du	1954	thôn Trịnh Thanh Vân	Bộ đội phục biên															x		D4	700,000	
169	Vũ Văn Đâu	1950	thôn Hưng Long	Trung đoàn 182															x		D4	700,000	
170	Bùi Thị Xuê	1950	thôn Khuông	Giáo viên															x		D4	700,000	
171	Đoàn Thị Hiền	1951	thôn Khuông	Công nhân															x		D4	700,000	
172	Phạm Đình Thơi	1957	thôn Thương Bi	Chủ tịch CCB															x		D4	700,000	
173	Lê Công Hiến	1958	thôn Thương Bi	Đảng viên															x		D4	700,000	
174	Phạm Đình Hữu	1960	thôn Thương Bi	Y sĩ															x		D4	700,000	
175	Lê Bá Chừng	1958	thôn Thương Bi	PBT TT xã															x		D4	700,000	
176	Lê Bá Biêng	1950	thôn Thương Bi	Công nhân															x		D4	700,000	
177	Lê Bá Lành	1952	thôn Thương Bi	VP UBND xã															x		D4	700,000	
178	Vũ Ngọc Nghị	1955	thôn Hoàng Kim	CT UBND															x		D4	700,000	
179	Vũ Quốc Thọ	1960	thôn Hoàng Kim	Đảng viên															x		D4	700,000	

180	Phạm Công Luyện	1938	thôn Hạ Bi		Công nhân																x		D4	700,000		
181	Bùi Công Vạn	1951	thôn Hạ Bi		Công an																	x		D4	700,000	
182	Nguyễn Xuân Đình	1960	thôn Hạ Bi		Bộ đội																	x		D4	700,000	
183	Bùi Doãn Đầu	1955	thôn Hạ Bi		Công nhân																	x		D4	700,000	
184	Vũ Xuân Sơn	1958	thôn Hạ Bi		Kế toán-NS xã																	x		D4	700,000	
185	Vũ Đăng Phương	1957	thôn Thượng Bi		Bí thư ĐU																	x		D4	700,000	
186	Vũ Nhật Thịnh	1960	thôn Thượng Bi		CC tư pháp																	x		D4	700,000	
187	Vũ Quang Bi	1935	thôn Văn Am		Công nhân																	x		D4	700,000	
188	Vũ Đăng Lai	1955	thôn Văn Am		Đảng viên																	x		D4	700,000	
189	Tăng Đức Chi	1962	thôn Huyền Búa		Đảng viên																	x		D4	700,000	
190	Đoàn Văn Thích	1957	thôn Chuối		Đảng viên																	x		D4	700,000	
191	Đỗ Văn Nường	1940	thôn Chuối		Đảng viên																	x		D4	700,000	
192	Vũ Xuân Bân	1948	thôn Chuối		Đảng viên																	x		D4	700,000	
193	Đoàn Văn Đua	1956	thôn Chuối		Đảng viên																	x		D4	700,000	
194	Phạm Khắc Thuận	1952	thôn Anh		Đảng viên																	x		D4	700,000	
195	Phạm khắc Tú	1957	thôn Anh		Đảng viên																	x		D4	700,000	
196	Lương Đức Luyện	1958	thôn Anh		Đảng viên																	x		D4	700,000	
197	Phạm Văn Thiệu	1958	thôn Bùi Thượng		Đảng viên																	x		D4	700,000	
198	Bùi Quý Mến	1954	thôn Bùi Hạ		Đảng viên																	x		D4	700,000	
199	Nguyễn Minh Trọng	1952	thôn Dôi Hồng		Đảng viên																	x		D4	700,000	
200	Nguyễn Văn Dương	1960	thôn Quỳnh Huế		Chủ nhiệm khoa CTD																	x		D5	600,000	
201	Trần Văn Tín	1960	thôn Quỳnh Huế		Bộ đội phục viên																	x		D5	600,000	
202	Phạm Văn Có	1958	thôn Quỳnh Huế		Đảng viên																	x		D5	600,000	
203	Vũ Văn Nở	1960	thôn Quỳnh Huế		Bộ đội phục viên																	x		D5	600,000	
204	Nguyễn Đình Hay	1960	thôn Quỳnh Huế		Bộ đội phục viên																	x		D5	600,000	
205	Nguyễn Văn Bầy	1957	thôn Quỳnh Huế		Bộ đội phục viên																	x		D5	600,000	
206	Vũ Văn Khản	1950	thôn Quỳnh Huế		CB XNKTCCTL																	x		D5	600,000	
207	Nguyễn Văn Hiếu	1950	thôn Quỳnh Huế		Đảng viên																	x		D5	600,000	
208	Nguyễn Văn Thách	1960	thôn Quỳnh Huế		Công nhân nghỉ hưu																	x		D5	600,000	
209	Vũ Văn Dị	1961	thôn Quỳnh Huế		Hưu trí																	x		D5	600,000	
210	Nguyễn Quang Huy	1944	thôn Quỳnh Huế		Giáo viên hưu																	x		D5	600,000	
211	Nguyễn Thị Lai	1955	thôn Quỳnh Huế		Công nhân nghỉ hưu																	x		D5	600,000	

276	Phạm Văn Sứt	1960	thôn Huyện Búa		Đảng viên															x	D5	600,000		
277	Tăng Đức Y	150	thôn Huyện Búa		Đảng viên																x	D5	600,000	
278	Tăng Đức Tập	1959	thôn Huyện Búa		Đảng viên																x	D5	600,000	
279	Tăng Đức Mườì	1957	thôn Huyện Búa		Đảng viên																x	D5	600,000	
280	Tăng Đức Đồi	1959	thôn Huyện Búa		Đảng viên																x	D5	600,000	
281	Phạm Thị Thềm	1961	thôn Huyện Búa		Đảng viên																x	D5	600,000	
282	Đỗ Thanh Mai	1960	thôn Khăn		Đảng viên																x	D5	600,000	
283	Vũ Thị Hoà	1954	thôn Khăn		Đảng viên																x	D5	600,000	
284	Phạm Văn Lòi	1963	thôn Khăn		Đảng viên																x	D5	600,000	
285	Vũ Văn Luyện	1954	thôn Phương Xá		Đảng viên																x	D5	600,000	
286	Vũ Thị Thuần	1954	thôn Phương Xá		Đảng viên																x	D5	600,000	
287	Vũ Văn Mạnh	1960	thôn Phương Xá		Đảng viên																x	D5	600,000	
288	Đoàn Duy Động	1959	thôn Chuối		Đảng viên																x	D5	600,000	
289	Đoàn Đình Hậu	1957	thôn Chuối		Đảng viên																x	D5	600,000	
290	Bùi Văn Thắng	1960	thôn Lại		Đảng viên																x	D5	600,000	
291	Bùi Quang Phục	1957	thôn Lại		Đảng viên																x	D5	600,000	
292	Lương Đức Tinh	1953	thôn Anh		Đảng viên																x	D5	600,000	
293	Phạm Khắc Tuấn	1952	thôn Anh		Đảng viên																x	D5	600,000	
294	Phạm Khắc Quảng	1957	thôn Anh		Đảng viên																x	D5	600,000	
295	Nguyễn Thị Xa	1958	thôn Anh		Đảng viên																x	D5	600,000	
296	Trần Đại Hải	1957	thôn Già		Đảng viên																x	D5	600,000	
297	Phạm Văn Bộ	1964	thôn Già		Đảng viên																x	D5	600,000	
298	Phạm Xuân Nhưõng	1943	thôn Bùi Thượng		Đảng viên																x	D5	600,000	
299	Trần Văn Toàn	1964	thôn Bùi Thượng		Đảng viên																x	D5	600,000	
300	Nguyễn Tiến Luật	1958	thôn Bùi Hạ		Đảng viên																x	D5	600,000	
301	Phạm Văn ản	1964	thôn Bùi Hạ		Đảng viên																x	D5	600,000	
302	Phạm Gia Miên	1960	thôn Dôi Hõng		Đảng viên																x	D5	600,000	
303	Nguyễn Minh Khái	1958	thôn Dôi Hõng		Đảng viên																x	D5	600,000	
304	Nguyễn Văn Tuấn	1963	thôn Dôi Hõng		Đảng viên																x	D5	600,000	
305	Nguyễn Văn Long	1949	thôn Dôi Hõng		Đảng viên																x	D5	600,000	
306	Phạm Văn Chiến	1964	thôn Dôi Hõng		Đảng viên																x	D5	600,000	
307	Phạm Văn Diẽn	1961	thôn Ty		Công nhân nghỉ hưu																x	D5	600,000	

340	Phạm Văn Loan	1972	thôn Vô Lương		Đảng viên															x	D5	600,000	
341	Trần Thị Thanh Tinh	1956	thôn Vô Lương		Hiệu trưởng trường MN															x	D5	600,000	
342	Phạm Văn Tú	1968	thôn Trung		Đảng viên															x	D5	600,000	
343	Phạm Văn Hát	1967	thôn Trung		Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch															x	D5	600,000	
344	Phạm Xuân Lộc	1966	thôn Trung		Đảng viên															x	D5	600,000	
345	Vũ Văn Ban	1964	thôn Bá Đại		Công an về hưu															x	D5	600,000	
346	Trần Quang Đạt	1964	thôn Bá Đại		Đảng viên															x	D5	600,000	
347	Trần Quang Cừu	1959	thôn Bá Đại		Đảng viên															x	D5	600,000	
348	Vũ Thanh Mai	1965	thôn Bá Đại		Công nhân															x	D5	600,000	
349	Vũ Văn Chuy	1972	thôn Bá Đại		PBTTT															x	D5	600,000	
350	Lê Văn Phúc	1969	thôn Trịnh Thanh Vân		Đảng viên															x	D5	600,000	
351	Lê Bá Trương	1965	thôn Trịnh Thanh Vân		Trưởng thôn															x	D5	600,000	
352	Đàm Khắc Hùng	1962	thôn Trịnh Thanh Vân		PCT UBND															x	D5	600,000	
353	Nguyễn Văn Lâm	1964	thôn Trịnh Thanh Vân		Trưởng Công an															x	D5	600,000	
354	Lê Công Lân	1963	thôn Trịnh Thanh Vân		Cán bộ địa chính															x	D5	600,000	
355	Vũ Quý Cây	1967	thôn Trịnh Thanh Vân		HT Nông dân															x	D5	600,000	
356	Lê Văn Tiu	1955	thôn Trịnh Thanh Vân		CN HTX															x	D5	600,000	
357	Đình Công Trinh	1969	thôn Trịnh Thanh Vân		PCTHND															x	D5	600,000	
358	Đàm Khắc Vạn	1962	thôn Trịnh Thanh Vân		PCHTQS															x	D5	600,000	
359	Vũ Văn Toàn	1971	thôn Trịnh Thanh Vân		Đảng viên															x	D5	600,000	
360	Đỗ Hữu Thanh	1960	thôn Trịnh Thanh Vân		Công an															x	D5	600,000	
361	Vũ Quý Duệ	1969	thôn Trịnh Thanh Vân		Đảng viên															x	D5	600,000	
362	Đỗ Hữu Sứ	1970	thôn Trịnh Thanh Vân		công chức xã															x	D5	600,000	
363	Vũ Đình Chín	1962	thôn Hưng Long		CT UBMTTQ															x	D5	600,000	
364	Phạm Văn Hạnh	1957	thôn Hưng Long		PhóTT y tế															x	D5	600,000	
365	Nguyễn Văn Tắc	1966	thôn Khuông		Bí thư CB															x	D5	600,000	
366	Lê Bá Lân	1958	thôn Thương Bi		CT ND															x	D5	600,000	
367	Lê Bá Hùng	1960	thôn Thương Bi		Phó CT UB															x	D5	600,000	
368	Phạm Quang Tú	1966	thôn Thương Bi		Thương tá															x	D5	600,000	
369	Phạm Đình Thịnh	1962	thôn Thương Bi		Đảng viên															x	D5	600,000	
370	Trần Đình Bưởi	1966	thôn Hoàng Kim		Bí thư chi bộ															x	D5	600,000	
371	Vũ Ngọc Xuê	1969	thôn Hoàng Kim		CT UBND															x	D5	600,000	

404	Đoàn Duy Việt	1965	thôn Chuối		Đảng viên																x	D5	600,000					
405	Đoàn Duy Vũ	1956	thôn Chuối		Đảng viên																	x	D5	600,000				
406	Nguyễn Văn Huệ	1940	thôn Chuối		Đảng viên																	x	D5	600,000				
407	Trần Văn Vệ	1965	thôn Chuối		Đảng viên																	x	D5	600,000				
408	Nguyễn Đức Phong	1970	thôn Chuối		Đảng viên																	x	D5	600,000				
409	Phạm Thanh Chương	1960	thôn Chuối		Đảng viên																	x	D5	600,000				
410	Trần Văn Vang	1973	thôn Lại		Đảng viên																	x	D5	600,000				
411	Lương Hoàng Đáng	1964	thôn Anh		Đảng viên																	x	D5	600,000				
412	Lê Xuân Chừng	1970	thôn Anh		Đảng viên																	x	D5	600,000				
413	Phạm Khắc Đại	1963	thôn Anh		Đảng viên																	x	D5	600,000				
414	Nguyễn Huy Lương	1945	thôn Anh		Đảng viên																	x	D5	600,000				
415	Lương Quang Thủy	1970	thôn Anh		Đảng viên																	x	D5	600,000				
416	Đinh Mạnh Hàng	1954	thôn Anh		Đảng viên																	x	D5	600,000				
417	Nguyễn Văn Tuyên	1965	thôn Già		Đảng viên																	x	D5	600,000				
418	Phạm Văn Ton	1966	thôn Già		Đảng viên																	x	D5	600,000				
419	Phạm Văn Doan	1964	thôn Bùi Thương		Đảng viên																	x	D5	600,000				
420	Phạm Hữu Lợi	1963	thôn Bùi Thương		Đảng viên																	x	D5	600,000				
421	Nguyễn Văn Xứng	1965	thôn Bùi Thương		Đảng viên																	x	D5	600,000				
422	Trần Văn Tuấn	1969	thôn Bùi Thương		Đảng viên																	x	D5	600,000				
423	Trần Thị Đại	1966	thôn Bùi Thương		Đảng viên																	x	D5	600,000				
424	Nguyễn Thị Vân	1971	thôn Bùi Hạ		Đảng viên																	x	D5	600,000				
425	Nguyễn Văn Huân	1966	thôn Bùi Hạ		Chủ tịch Hội CTD																	x	D5	600,000				
426	Phạm Gia Cảnh	1969	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000				
427	Vũ Văn Đông	1950	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000				
428	Vũ Thế Hùng	1956	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000				
429	Phạm Quang Sản	1966	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000				
430	Phạm Gia Vụ	1969	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000				
431	Phạm Văn Thi	1960	thôn Dới Hống		Đảng viên																	x	D5	600,000				
Phê duyệt bổ sung theo Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 04/03/2026 của Ủy ban nhân dân xã Yết Kiêu và Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 31/03/2026 của Ủy ban nhân dân xã Yết Kiêu																												
																			Không có đối tượng				4	18	18	9	49	36,400,000
432	Nguyễn Văn Tá	1927	thôn Quỳnh Huệ		Trưởng phòng BD																x		D2	1,000,000				
433	Lê Thị Huân	1930	thôn Phương Xá		Đảng viên																	x		D2	1,000,000			

466	Phạm Đình Mấy	1956	thôn Thương Bì		Bộ đội															x		D4	700,000
467	Lê Bá Toàn	1956	thôn Thương Bì		Chủ tịch HND															x		D4	700,000
468	Vũ Nhân Tuyển	1956	thôn Hoàng Kim		Bộ đội															x		D4	700,000
469	Phạm Ngọc Báu	1956	thôn Khăn		Đảng viên															x		D4	700,000
470	Bùi Xuân Phương (Bùi Văn Phương)	1955	thôn Lại		Đảng viên															x		D4	700,000
471	Nguyễn Thị Hải	1956	thôn Dối Hồng		Đảng viên															x		D4	700,000
472	Phạm Văn Công	1952	thôn Trung		Công nhân NTLH																x	D5	600,000
473	Trịnh Văn Bóng	1956	thôn Văn Am		Công nhân																x	D5	600,000
474	Vũ Xuân Hải	1956	thôn Lương Xã		Đảng viên																x	D5	600,000
475	Vũ Xuân Chéo	1951	thôn Phượng Xã		Đảng viên																x	D5	600,000
476	Phạm Văn Sao	1955	thôn Chuối		Đảng viên																x	D5	600,000
477	Nguyễn Tâm Vóc	1956	thôn Lại		Đảng viên																x	D5	600,000
478	Phạm Xuân Hoàn	1946	thôn Bùi Ha		Đảng viên																x	D5	600,000
479	Nguyễn Thị Kiến	1956	thôn Khay		CB Y Tế nghỉ hưu																x	D5	600,000
480	Phạm Thị Láng	1957	thôn Khay		Đảng viên																x	D5	600,000

**TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ CHI QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÍNH
NGỌ 2026 THEO NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025**

(Kèm theo Báo cáo số : BC- UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân xã Yết
Kiêu)

Đơn vị tính: đồng

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG	ĐỊNH MỨC CHI	THÀNH TIỀN	Ghi chú
A	B	1	2	3	
	Tổng cộng	480	5,250,000	328,150,000	
1	C3	1	1,500,000	1,500,000	
2	C4	1	650,000	650,000	
3	D2	14	1,000,000	14,000,000	
4	D3	113	800,000	90,400,000	
5	D4	110	700,000	77,000,000	
6	D5	241	600,000	144,600,000	

UBND XÃ YẾT KIÊU

**QUYẾT TOÁN KINH PHÍ CHI QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH NGỌ 20
NGHỊ QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025 CỦA HĐND THỊ
ĐỢT 1**

(Kèm theo Báo cáo số : BC- UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân
Kiêu)

Đơn

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG	ĐỊNH MỨC CHI	THÀNH TIỀN
A	B	1	2	3
	Tổng cộng	431	5,250,000	291,750,000
1	C3	1	1,500,000	1,500,000
2	C4	1	650,000	650,000
3	D2	10	1,000,000	10,000,000
4	D3	95	800,000	76,000,000
5	D4	92	700,000	64,400,000
6	D5	232	600,000	139,200,000

UBND XÃ YẾT KIÊU

**ĐỀ NGHỊ BỔ SUNG KINH PHÍ QUÀ TẾT NGUYÊN ĐÁN BÌNH
QUYẾT SỐ 41/2025/NQ-HĐND NGÀY 10/12/2025 CỦA HĐND**

(Kèm theo Báo cáo số : BC- UBND ngày tháng 4 năm 2026 của Ủy

STT	NHÓM ĐỐI TƯỢNG	SỐ LƯỢNG	ĐỊNH MỨC CHI
A	B	1	2
	Tổng cộng	49	3,100,000
1	D2	4	1,000,000
2	D3	18	800,000
3	D4	18	700,000
4	D5	9	600,000

Biểu 2d

**NGỌ 2026 THEO NGHỊ
HỘI ĐỒNG THÀNH PHỐ**

(ban nhân dân xã Yết Kiêu)

Đơn vị tính: đồng

THÀNH TIỀN	Ghi chú
3	
36,400,000	
4,000,000	
14,400,000	
12,600,000	
5,400,000	